BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
GIAI ĐOẠN 2016-2020
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG

Số: 61 /VPĐP-KHTC&GS

V/v Khảo sát nguồn kinh phí đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2020

CĐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2016-2020
NH QUẢNG TRỊ
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
ĐẾN Số: 49
Ngày: 22/01/2020
Chuyển: Đạo
Lưu hồ sơ số: CV

Kính gửi: VPĐP CTMTQG xây dựng NTM tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Thông báo số 449/TB-VPCP ngày 30/12/2019 về ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng Đề án Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương phối hợp với Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn dự kiến tổ chức *"khảo sát đánh giá tác động của đầu tư ngân sách cho chương trình mục tiêu quốc gia đến cải thiện đời sống người dân Việt Nam"* tại một số địa phương trên cả nước, cụ thể như sau:

1. Nội dung: Khảo sát, đánh giá tác động, hiệu quả đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho các chương trình mục tiêu quốc gia đến cải thiện đời sống người dân nhằm đưa ra các đề xuất, kiến nghị phục vụ xây dựng cơ chế, chính sách và định mức đầu tư, hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Thời gian và phương thức thực hiện:

a) Khảo sát trực tiếp *(dự kiến trong tháng 02 và 03/2020)*

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương phối hợp với Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn tổ chức các đoàn khảo sát tại 15 tỉnh *(dự kiến: Sơn La, Lào Cai, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Kon Tum, Gia Lai, Long An, An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu)*. Tại mỗi tỉnh, đoàn công tác dự kiến sẽ làm việc trong 02 ngày, trong đó:

- 01 buổi làm việc với Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh về ngân sách cho chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020;

- 02 buổi làm việc tại 02 huyện: tại mỗi huyện sẽ làm việc với Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện và lãnh đạo 02 xã trong huyện về ngân sách cho chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020.

b) Khảo sát gián tiếp thông qua phiếu hỏi ở cấp tỉnh và cấp xã: Đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh cung cấp thông tin của tỉnh và hướng dẫn các xã *(Có danh sách kèm theo)* cung cấp thông tin của xã, cụ thể như sau:

- Điền thông tin cấp tỉnh và cấp xã theo hình thức trực tuyến tại đường link http://ngansachctmt2019.ipsard.gov.vn/vn/default.aspx (Có Phiếu hỏi và hướng dẫn cụ thể gửi kèm), hoàn thành **trước ngày 07/02/2020**;

- Phiếu hỏi kèm theo tại Phụ lục 1 *(giống nội dung điền trực tuyến)* sau khi hoàn thành, có đóng dấu tỉnh *(với Phiếu điền thông tin cấp tỉnh)* và đóng dấu xã *(với Phiếu điền thông tin cấp xã)* đề nghị gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương **trước ngày 15/2/2020** *(Địa chỉ Nhà B9, số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và thư điện tử khth.ntm@gmail.com)* để tổng hợp.

Để cuộc khảo sát, đánh giá đạt chất lượng, hiệu quả cao phục vụ cho công tác đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đáp ứng được các yêu cầu cấp thiết của địa phương và phù hợp với điều kiện thực tế, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạo điều kiện hỗ trợ và phối hợp với Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn và các đơn vị liên quan thực hiện theo kế hoạch./.

(Thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ đ/c Tô Anh Quý, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, điện thoại 036 415 8582 – 024 3728 2550).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Viện CS&CL PTNNNT;
- Lưu: VT, KHTC&GS.

CHÁNH VĂN PHÒNG

VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QG VỀ XD NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

Nguyễn Minh Tiến

Phụ lục 1: PHIẾU HỎI CẤP XÃ VÀ CẤP TỈNH

(Kèm theo Công văn số: 61 /VPĐP-KHTC&GS ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)

PHIẾU KHẢO SÁT NGUỒN KINH PHÍ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Tỉnh: _____

2. Huyện: _____

3. Xã: _____

4. Người cung cấp thông tin:

- Họ tên: _____
- Chức vụ: _____
- Số điện thoại: _____

5. Xã thuộc loại nào dưới đây

Giai đoạn 2010-2015			Giai đoạn 2016-2020		
1	Xã đặc biệt khó khăn		1	Xã đặc biệt khó khăn	
2	Xã bãi ngang ven biển		2	Xã bãi ngang ven biển	
3	Xã thuộc huyện 30a		3	Xã thuộc huyện 30a	
9	Xã khác		9	Xã khác	

Ngày ____ *Tháng* ____ *Năm* ____

Chữ ký và đóng dấu của lãnh đạo xã

Mục 1: Tình hình thực hiện các dự án/ chương trình trên địa bàn xã từ năm 2010

STT	*Loại dự án/ chương trình*	*6. Trên địa bàn các xã đã và đang thực hiện các dự án nào không?* Nếu có ghi..... 1 Nếu không ghi.....2 Không biết ghi.....9	*7. Các dự án này thực hiện ở giai đoạn nào?* Nếu có ghi..... 1 Nếu không ghi..... 2 Không biết ghi..... 9		*8. Nêu hai nguồn ngân sách chính để thực hiện dự án?* Ngân sách Trung ương ghi..... 1 Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) ghi..... 2 Xã hội hoá (Doanh nghiệp, người dân đóng góp,...) ghi..... 3 Khác ghi..... 4 Không biết ghi..... 9		*9. Dự án này có nằm trong các chương trình mục tiêu quốc gia không?* Nếu có ghi..... 1 Nếu không ghi.....2 Không biết ghi.....9
			7a. Giai đoạn 2010-2015	7b. Giai đoạn 2016-2020	8a. Thứ nhất	8b. Thứ hai	
1	Đường đến huyện hoặc tỉnh						
2	Đường trong xã						
3	Cầu						
4	Mở rộng thủy lợi						
5	Kênh tưới tiêu						
6	Điện						
7	Nước uống						
8	Xử lý rác thải						
9	Trung tâm y tế						
10	Trường học						
11	Trường mầm non						
12	Chuyển đổi / mở rộng đất ở						
13	Khai hoang đất						
14	Trồng rừng						
15	Chương trình giáo dục và y tế phi cơ sở hạ tầng						
16	Dạy nghề cho lao động nông thôn						
17	Hỗ trợ sản xuất						
18	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại..)						
19	Cơ sở vật chất văn hóa						
20	Khác (ghi rõ.....)						

Mục 2: Tổng kinh phí đầu tư trên địa bàn xã phân theo nguồn

Năm	Tổng kinh phí đầu tư hàng năm (triệu đồng)	Tổng kinh phí phân theo nguồn (triệu đồng)			
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách Địa phương	Xã hội hoá (doanh nghiệp, người dân đóng góp,...)	Nguồn khác
2010					
2011					
2012					
2013					
2014					
2015					
Tổng: 2010 - 2015					
2016					
2017					
2018					
2019					
Tổng: 2016 - 2019					

Mục 3a: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	**Xây dựng cơ sở hạ tầng**						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	**Dạy nghề cho lao động nông thôn**						
3	**Nâng cao đời sống văn hóa của người dân** (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	**Hỗ trợ sản xuất**						
5	**Nâng cao năng lực thực hiện chương trình**						
6	**Quản lý**						
7	**Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường** (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	**Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"**						

Mục 3b: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	Năm 2016			Năm 2017		
		Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững	Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững
1	**Xây dựng cơ sở hạ tầng**						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại,...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	**Dạy nghề cho lao động nông thôn**						
3	**Nâng cao đời sống văn hóa của người dân** (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	**Hỗ trợ sản xuất**						
5	**Nâng cao năng lực thực hiện chương trình**						
6	**Quản lý**						
7	**Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường** (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	**Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"**						

Mục 3c: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	2018			2019		
		Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững	Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững
1	**Xây dựng cơ sở hạ tầng**						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	**Dạy nghề cho lao động nông thôn**						
3	**Nâng cao đời sống văn hóa của người dân** (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	**Hỗ trợ sản xuất**						
5	**Nâng cao năng lực thực hiện chương trình**						
6	**Quản lý**						
7	**Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường** (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	**Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"**						

PHIẾU KHẢO SÁT NGUỒN KINH PHÍ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Tỉnh: _____

4. Người cung cấp thông tin:

- Họ tên: _____
- Chức vụ: _____
- Số điện thoại: _____

Ngày ____ *Tháng* ____ *Năm* ____

Chữ ký của người cung cấp thông tin

Mục 1: Tình hình thực hiện các dự án/ chương trình trên địa bàn tỉnh từ năm 2010

STT	*Loại dự án/ chương trình*	*6. Trên địa bàn các xã đã và đang thực hiện các dự án nào không?* Nếu có ghi..... 1 Nếu không ghi..... 2 Không biết ghi..... 9	*7. Các dự án này thực hiện ở giai đoạn nào?* Nếu có ghi..... 1 Nếu không ghi..... 2 Không biết ghi..... 9		*8. Nêu hai nguồn ngân sách chính để thực hiện dự án?* Ngân sách Trung ương ghi..... 1 Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) ghi..... 2 Xã hội hoá (Doanh nghiệp, người dân đóng góp,...) ghi..... 3 Khác ghi..... 4 Không biết ghi..... 9		*9. Dự án này có nằm trong các chương trình mục tiêu quốc gia không?* Nếu có ghi..... 1 Nếu không ghi..... 2 Không biết ghi..... 9
			7a. Giai đoạn 2010-2015	7b. Giai đoạn 2016-2020	8a. Thứ nhất	8b. Thứ hai	
1	Đường quốc lộ						
2	Đường tỉnh lộ						
3	Cầu						
4	Mở rộng thủy lợi						
5	Kênh tưới tiêu						
6	Điện						
7	Nước uống						
8	Xử lý rác thải						
9	Trung tâm y tế						
10	Trường học						
11	Trường mầm non						
12	Chuyển đổi / mở rộng đất ở						
13	Khai hoang đất						
14	Trồng rừng						
15	Chương trình giáo dục và y tế phi cơ sở hạ tầng						
16	Dạy nghề cho lao động nông thôn						
17	Hỗ trợ sản xuất						
18	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại..)						
19	Cơ sở vật chất văn hóa						
20	Khác (ghi rõ.....)						

Mục 2: Tổng kinh phí đầu tư trên địa bàn tỉnh phân theo nguồn

Năm	Tổng kinh phí đầu tư hàng năm (triệu đồng)	Tổng kinh phí phân theo nguồn (triệu đồng)			
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách Địa phương	Xã hội hoá (doanh nghiệp, người dân đóng góp,...)	Nguồn khác
2010					
2011					
2012					
2013					
2014					
2015					
Tổng: 2010 - 2015					
2016					
2017					
2018					
2019					
Tổng: 2016 - 2019					

Mục 3a: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	**Xây dựng cơ sở hạ tầng**						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	**Dạy nghề cho lao động nông thôn**						
3	**Nâng cao đời sống văn hóa của người dân** (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	**Hỗ trợ sản xuất**						
5	**Nâng cao năng lực thực hiện chương trình**						
6	**Quản lý**						
7	**Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường** (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	**Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"**						

Mục 3b: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	Năm 2016			Năm 2017		
		Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững	Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững
1	**Xây dựng cơ sở hạ tầng**						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	**Dạy nghề cho lao động nông thôn**						
3	**Nâng cao đời sống văn hóa của người dân** (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	**Hỗ trợ sản xuất**						
5	**Nâng cao năng lực thực hiện chương trình**						
6	**Quản lý**						
7	**Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường** (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	**Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"**						

Mục 3c: Tổng kinh phí đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo loại dự án (triệu đồng)

STT	Hạng mục	2018			2019		
		Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững	Tổng	CT Nông thôn mới	CT Giảm nghèo bền vững
1	**Xây dựng cơ sở hạ tầng**						
1.1	Giao thông vận tải						
1.2	Thủy lợi						
1.3	Điện						
1.4	Trường học						
1.5	Cơ sở hạ tầng văn hóa						
1.6	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm thương mại...)						
1.7	Trạm y tế xã						
1.8	Hệ thống cung cấp nước						
1.9	Hệ thống xử lý môi trường						
1.10	Duy trì các công trình sau đầu tư tại xã						
1.11	Hạ tầng khác						
2	**Dạy nghề cho lao động nông thôn**						
3	**Nâng cao đời sống văn hóa của người dân** (hoạt động văn hóa văn nghệ...)						
4	**Hỗ trợ sản xuất**						
5	**Nâng cao năng lực thực hiện chương trình**						
6	**Quản lý**						
7	**Cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và môi trường** (ngoại trừ cơ sở hạ tầng)						
7.1	Giáo dục						
7.2	Y tế						
7.3	Môi trường (xử lý rác, nước thải...)						
8	**Phát triển chương trình "Mỗi xã một sản phẩm"**						

Phụ lục 2: DANH MỤC TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP BỔ SUNG

(Kèm theo Công văn số: 61 /VPĐP-KHTC&GS ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)

TT	Tên tài liệu	Tỉnh, thành phố	2 huyện	4 xã
1	Báo cáo tổng kết 05 năm xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015	√	√	√
2	Báo cáo sơ kết 03 năm xây dựng NTM giai đoạn 2016-2018	√	√	√
3	Báo cáo tổng kết 10 năm xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020	√	√	√
4	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (2008-2018)	√	√	√
5	Báo cáo 05 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2013-2018	√	-	-
6	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế hợp tác, trang trại từ sau khi có Luật HTX năm 2012 cho đến nay	√	-	-
7	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2019	√	-	-
8	Niên giám Thống kê năm 2011 của tỉnh	√	-	-
9	Niên giám Thống kê năm 2011 và 2018 của huyện	-	√	-
10	Đề án thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	√	-	-
11	Báo cáo tình hình KTXH, ANQP năm 2010, 2015 và 2018	√	√	√

Ghi chú: Tỉnh, thành phố và 02 huyện, 04 xã được chọn cung cấp các tài liệu có đánh dấu √ theo danh mục nêu trên. Khuyến khích cung cấp tài liệu dưới dạng bản mềm.

Tỉnh Quảng Trị

(33 xã)

Tên huyện	Tên xã	Tên huyện	Tên xã
Thị xã Quảng Trị	Xã Hải Lệ	Huyện Đa Krông	Xã Mò Ó
Huyện Vĩnh Linh	Xã Vĩnh Trung		Xã Ba Lòng
	Xã Vĩnh Long		Xã A Vao
	Xã Vĩnh Thủy		Xã A Ngo
	Xã Vĩnh Thành	Huyện Triệu Phong	Xã Triệu Phước
Huyện Hướng Hóa	Xã Hướng Phùng		Xã Triệu Trạch
	Xã Hướng Sơn		Xã Triệu Thuận
	Xã Hướng Tân		Xã Triệu Hòa
	Xã Húc		Xã Triệu Long
	Xã Thanh		Xã Triệu Ái
	Xã A Dơi	Huyện Hải Lăng	Xã Hải An
Huyện Gio Linh	Xã Gio Phong		Xã Hải Ba
	Xã Gio Hải		Xã Hải Quế
	Xã Gio Việt		Xã Hải Thượng
	Xã Hải Thái		Xã Hải Trường
Huyện Cam Lộ	Xã Cam An		Xã Hải Chánh
	Xã Cam Nghĩa		